

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030

Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Văn bản số 8177/BKHCN-CĐSQG ngày 30/12/2025 về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030, như sau:

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Chuyển đổi số ngày 11/12/2025;
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;
- Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 2692/QĐ-TTg ngày 11/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Ứng dụng Internet vạn vật (IoT) trong lĩnh vực giao thông thông minh”;
- Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;

- Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Kế hoạch số 05-KH/TU ngày 20/7/2025 của Tỉnh ủy Triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

- Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh về Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số tại Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số; Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Tỉnh ủy về Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 05-KH/TU ngày 20/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

- Thực hiện chuyển đổi số toàn diện, hiệu quả, thực chất, bền vững trên tất cả các lĩnh vực. Đến năm 2030, tỉnh Quảng Ngãi hoàn thành xây dựng Chính quyền số, hình thành Chính quyền thông minh vận hành trên nền tảng dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo, hướng tới mô hình quản trị chủ động, dự báo, lấy người dùng làm trung tâm. Các hoạt động cơ bản của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được thực hiện trên các nền tảng số tập trung, thống nhất và liên thông giữa các cấp, các ngành, tạo lập hệ sinh thái số đồng bộ, hiện đại; đồng thời bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và góp phần giữ vững chủ quyền số quốc gia. AI trở thành công cụ cốt lõi trong quản trị công, cung cấp dịch vụ công và hỗ trợ ra quyết định chính sách, góp phần nâng cao hiệu quả điều hành và trải nghiệm của người dân, doanh nghiệp.

- Thúc đẩy cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, phục vụ người dân, doanh nghiệp. Phát triển kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng chủ yếu. Xã hội số phát triển văn minh, an toàn gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh, góp phần xây dựng tỉnh Quảng Ngãi, trở thành tỉnh phát triển khá của vùng và đến năm 2030 trở thành tỉnh phát triển khá của cả nước.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1 Phát triển Chính quyền, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

a) Cung cấp dịch vụ số bao trùm, thông minh

*** Giai đoạn 2026-2027**

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được thực hiện trực tuyến toàn trình.
- 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng phục vụ.
- 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

*** Giai đoạn 2028-2030**

- 99% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng phục vụ.
- 50% dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “cá thể hóa”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng.
- 70% dữ liệu mở công bố được ghi nhận có lượt truy cập, sử dụng lại hoặc tích hợp vào nền tảng bên ngoài, trong đó có ít nhất 30 sáng kiến đổi mới sáng tạo hoặc sản phẩm dịch vụ kinh tế sử dụng dữ liệu mở do cơ quan nhà nước công bố.
- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.
- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa được tái sử dụng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.
- 100% các ứng dụng, nền tảng được ban hành theo Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ phải được triển khai sử dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

b) Cơ quan nhà nước quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu

*** Giai đoạn 2026-2027**

- 100% các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ Chính phủ số, Chính quyền số do Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương triển khai đến cấp tỉnh, cấp xã được triển khai theo đúng kế hoạch trên địa bàn tỉnh.

- 100% hồ sơ công việc cấp tỉnh, cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc.

- 100% chế độ báo cáo của các cơ quan được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo.

- 100% nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho các sở, ban, ngành, địa phương được theo dõi, giám sát, đánh giá trên môi trường điện tử.

- Tỉnh Quảng Ngãi bảo đảm đạt cấp độ 3 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản.

- 50% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

*** Giai đoạn 2028-2030**

- Tỉnh Quảng Ngãi bảo đảm đạt cấp độ 4 và phấn đấu đạt cấp độ 5 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.

- 100% hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc.

- 100% cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính.

- 100% nhiệm vụ của các cơ quan hành chính thực hiện được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường số.

- 100% các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số.

- 100% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, dữ liệu được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

- 100% các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ.

- 100% cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước sử dụng các dịch vụ điện

toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp.

- Phân đầu có tối thiểu 01 dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số trên địa bàn tỉnh áp dụng mô hình hợp tác công tư (PPP).

2.2 Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng hai con số của nền kinh tế

*** Giai đoạn 2026-2027**

- Tỷ trọng kinh tế số đạt tối thiểu 15% GRDP.
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%.
- Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 5%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.
- Phân đầu 20% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh sử dụng hợp đồng điện tử.

*** Giai đoạn 2028-2030**

- Tỷ trọng kinh tế số đạt tối thiểu 30% GRDP.
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.
- Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 8%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 70%.
- Phân đầu 50% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh sử dụng hợp đồng điện tử.

2.3 Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

*** Giai đoạn 2026-2027**

- Tối thiểu 80% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.

- Tối thiểu 50% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.
- Tối thiểu 85% người dân có Sổ sức khỏe điện tử.
- Tối thiểu 80% người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông.
- Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 85% dân số.
- Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn tỉnh đạt 60%.
- Trên 80% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.

- 85% người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số; Phổ cập nền tảng truyền hình số quốc gia tới 60% hộ gia đình có kết nối Internet.

*** Giai đoạn 2028-2030**

- Tối thiểu 95% dân số từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn tỉnh có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.

- Tối thiểu 95% người dân trên địa bàn tỉnh có Sổ sức khỏe điện tử.

- Tối thiểu 95% người dân trên địa bàn tỉnh biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông.
- Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 99% dân số.
- Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn tỉnh đạt 90%.
- Trên 95% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.
- 100% người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số; Phổ cập nền tảng truyền hình số quốc gia tới 100% hộ gia đình có kết nối Internet.

(Phân công theo dõi, thực hiện các mục tiêu cụ thể tại Phụ lục I kèm theo)

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Tăng cường công tác chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 trong các hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.
- Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị, địa phương trong công tác chỉ đạo, triển khai chuyển đổi số; Bảo đảm 100% người đứng đầu các đơn vị, địa phương là Trưởng Ban chỉ đạo về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 của đơn vị, địa phương và trực tiếp tham gia chỉ đạo công tác chuyển đổi số.
- Triển khai Bộ chỉ số để theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ được giao về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Thực hiện đo lường, giám sát các hệ thống, dịch vụ phục vụ Chính phủ số, Chính quyền số; công khai trực tuyến các chỉ số chính trong phát triển Chính phủ số, Chính quyền số.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị, địa phương trực tuyến trên môi trường mạng; Hàng năm tổ chức Đoàn công tác kiểm tra trực tiếp các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh về công tác Chuyển đổi số.

2. Thể chế, chính sách

- Tham mưu Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
- Xây dựng và ban hành các chính sách, kế hoạch, quyết định, văn bản chỉ đạo và điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh để thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.
- Xây dựng, cập nhật Khung kiến trúc số tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và yêu cầu phát triển Chính quyền số tỉnh Quảng Ngãi.

- Xây dựng, cập nhật danh mục các nền tảng số dùng chung trên địa bàn tỉnh.
- Triển khai áp dụng hướng dẫn kỹ thuật về mức độ ứng dụng AI trong dịch vụ công trực tuyến, làm rõ khái niệm, yêu cầu kỹ thuật và tiêu chí đánh giá mức độ cá thể hóa, chủ động, gợi ý hành động,... Hướng dẫn lựa chọn, triển khai và tích hợp trợ lý ảo vào các nền tảng điều hành, tác nghiệp của tỉnh; Tiêu chuẩn quốc gia về Chất lượng trải nghiệm của người dùng dịch vụ công trực tuyến; Bộ chỉ số và Khung hướng dẫn đánh giá mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.

3. Phát triển hạ tầng số

- Triển khai Mạng truyền số liệu chuyên dùng và các nền tảng, ứng dụng dùng chung của tỉnh được kết nối trên mạng này, bảo đảm liên thông và đồng bộ dữ liệu.
- Xây dựng Trung tâm dữ liệu tỉnh Quảng Ngãi đạt chuẩn tối thiểu Tier 3, đáp ứng tiêu chuẩn điện toán đám mây, hiệu năng cao để cung cấp tài nguyên tính toán, lưu trữ, sao lưu tập trung và bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu cao nhất cho các hệ thống thông tin của tỉnh.
- Xây dựng Kế hoạch triển khai “Chương trình thúc đẩy, triển khai, chuyển đổi IPv6 only cho Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030”.
- Nâng cấp, quản lý, vận hành nền tảng hợp trực tuyến tỉnh Quảng Ngãi thông suốt, an toàn, bảo mật; bảo đảm phục vụ các phiên họp từ Trung ương đến địa phương.
- Phủ sóng 5G tại 100% khu công nghiệp, khu đô thị, trung tâm hành chính, khu du lịch. Triển khai Kế hoạch ứng dụng Internet vạn vật (IoT) trong lĩnh vực giao thông thông minh cấp tỉnh.
- Rà soát, thúc đẩy các doanh nghiệp viễn thông ưu tiên phát triển hạ tầng viễn thông kiên cố, bền vững, phù hợp tại các khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai trong đó có tính đến đặc điểm địa hình, loại hình thiên tai thường xuất hiện tại các khu vực.
- Thúc đẩy, hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số, nhất là các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới bảo đảm đáp ứng nhu cầu sử dụng các dịch vụ số, dịch vụ hành chính công tại các trung tâm phục vụ hành chính công ở các xã biên giới góp phần rút ngắn khoảng cách số, nâng cao hiệu quả, bảo đảm quốc phòng an ninh.
- Triển khai các biện pháp hỗ trợ xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống hạ tầng đô thị của tỉnh để các doanh nghiệp phối hợp triển khai đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật các ngành giao thông, năng lượng, chiếu sáng, cấp, thoát nước, hạ tầng công trình ngầm, hạ tầng kỹ thuật khác.

4. Phát triển nhân lực số

- Triển khai cung cấp học liệu để đào tạo, phổ cập kỹ năng số, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước cho các đối tượng trên Nền tảng Bình dân học vụ số.

- Bố trí nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số; triển khai thực chất, hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” và hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ kỹ thuật chuyên biệt và thường xuyên cho đội ngũ cán bộ cấp xã, tập trung vào kỹ năng vận hành các nền tảng dùng chung và kỹ năng hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số.

- Triển khai khung năng lực, chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin tích hợp kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Đưa nội dung đào tạo về kỹ năng số, AI vào chương trình đào tạo quản lý nhà nước.

- Tổ chức bồi dưỡng nâng cao tư duy chuyển đổi số, quản trị dựa trên dữ liệu cho đội ngũ lãnh đạo các cấp; Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức cơ quan nhà nước các cấp về kỹ năng số.

- Tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, AI cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số. Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng hằng năm về kỹ năng số, phương pháp sư phạm và ứng dụng AI trong giảng dạy cho đội ngũ giáo viên các cấp.

- Triển khai khung chương trình đào tạo về quản trị dữ liệu cho cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

5. Phát triển dữ liệu số

- Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai, xây dựng, khoa học, công nghệ....

- Thực hiện số hóa 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; hoàn thành xây dựng, nâng cấp, phát triển các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm dữ liệu “Đúng - Đủ - Sạch - Sóng - Thống nhất - Đồng bộ - Kết nối - Dùng chung”, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

- Xây dựng, ban hành kế hoạch công bố dữ liệu mở cấp tỉnh, bao gồm danh mục dữ liệu mở ưu tiên, lộ trình công bố, phương thức truy cập, trách nhiệm cập nhật và tiêu chí đánh giá mức độ sử dụng, tái sử dụng dữ liệu mở. Việc cung cấp dữ liệu mở được thực hiện theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật hiện hành.

- Xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách cụ thể để chủ động thực hiện việc chuẩn hóa, mở, chia sẻ và đưa dữ liệu đủ điều kiện lên Sàn dữ liệu, thúc đẩy hình thành và phát triển thị trường dữ liệu, gắn với cơ chế minh bạch về quyền sở hữu, quyền khai thác, thương mại hóa dữ liệu và phân phối giá trị từ dữ liệu.

6. Bảo đảm an ninh mạng

- Tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong cơ quan nhà nước theo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân. Triển khai hướng dẫn về quy

trình, biện pháp kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn đối với việc quản lý, lưu trữ, xử lý, chia sẻ và kiểm soát truy cập dữ liệu cá nhân trong các nền tảng và hệ thống thông tin.

- Đảm bảo 100% hệ thống thông tin các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được phê duyệt cấp độ an toàn và triển khai phương án bảo vệ theo cấp độ (Mô hình 4 lớp).

- Đánh giá mức độ rủi ro hệ thống thông tin và nền tảng số dùng chung trên địa bàn tỉnh. Triển khai cơ chế kiểm tra, giám sát an ninh mạng đối với chuỗi cung ứng phần mềm, dịch vụ thuê ngoài (SaaS, Cloud...), đối tác phát triển hệ thống theo nguyên tắc đánh giá mã nguồn (source code audit), kiểm soát truy cập và bảo mật bên thứ ba.

- Tăng cường giám sát an toàn, an ninh mạng trên địa bàn tỉnh để phát hiện và cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn thông tin cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân. Nâng cấp, duy trì hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng tập trung (SOC) tỉnh Quảng Ngãi, các hệ thống nghiệp vụ của lực lượng An ninh mạng hướng đến xây dựng, hình thành Trung tâm An ninh mạng tỉnh Quảng Ngãi, trong đó bảo đảm kết nối liên thông với Trung tâm An ninh mạng quốc gia của Bộ Công an để phục vụ công tác giám sát diện rộng đối với các hệ thống thông tin trọng yếu của tỉnh.

7. Chính quyền số

- Tổ chức triển khai kịp thời và hiệu quả các nền tảng số phục vụ phát triển Chính phủ số do Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương triển khai đến đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh. Thực hiện kết nối toàn bộ các nền tảng số do Trung ương triển khai, các hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

- Rà soát, đánh giá tính hiệu quả các nền tảng số, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; cơ sở dữ liệu dùng chung trên địa bàn tỉnh; Tăng cường xây dựng, chuẩn hóa, cập nhật cơ sở dữ liệu của ngành, lĩnh vực, địa bàn phụ trách bảo đảm tính “Đúng - Đủ - Sạch - Sóng - Thống nhất - Đồng bộ - Kết nối - Dùng chung”, phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của tỉnh dựa trên dữ liệu.

- Đưa vào hoạt động chính thức Trung tâm Điều hành thông minh (IOC) tỉnh Quảng Ngãi bảo đảm ứng dụng công nghệ tiên tiến (AI, IoT, 5G,...); tích hợp các cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành bảo đảm tính “Đúng - Đủ - Sạch - Sóng - Thống nhất - Đồng bộ - Kết nối - Dùng chung”, ứng dụng AI trong phân tích, dự báo và cảnh báo sớm các chỉ tiêu kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh và phục vụ công tác quản lý nhà nước của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

- Đầu tư đồng bộ trang thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị chuyên ngành tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng Nền tảng AI cấp tỉnh theo hướng tích hợp, sử dụng chung và mở rộng năng lực của Nền tảng phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo dùng chung

(Nền tảng AI) và Nền tảng Trợ lý ảo quốc gia, bảo đảm kế thừa, dùng chung tài nguyên và tránh trùng lặp hạ tầng.

- Xây dựng, vận hành CSDL về kiểm soát tài sản thu nhập; nền tảng số công tác thanh tra; nền tảng số về khiếu nại, tố cáo.

8. Kinh tế số và xã hội số

- Xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi số trong doanh nghiệp.

- Hỗ trợ các cửa hàng, hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) chuyển đổi số thông qua sử dụng các nền tảng số phục vụ quản trị, sản xuất, kinh doanh, thông qua triển khai chương trình hỗ trợ cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số (rdx.gov.vn) và chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số (bdx.gov.vn).

- Ứng dụng công nghệ, dữ liệu số trong sản xuất nông nghiệp thông minh, tạo ra sản phẩm có chất lượng cao. Tăng cường hoạt động kinh doanh sản phẩm nông nghiệp trên các sàn thương mại điện tử. Ứng dụng giải pháp công nghệ số trong quản lý, giám sát chất lượng sản phẩm nông nghiệp, thủy sản; truy xuất nguồn gốc; dự báo thị trường; quản lý quy hoạch; quản lý bảo vệ rừng; phòng, chống thiên tai; phòng, chống cháy rừng; phòng, chống dịch bệnh.

- Thúc đẩy chuyển đổi số trong phát triển, khai thác hệ thống kho, bến, bãi phục vụ vận tải và logistics. Ứng dụng công nghệ số trong quản lý kết cấu hạ tầng giao thông.

- Ứng dụng công nghệ số trong hỗ trợ khám, chữa bệnh, tư vấn chăm sóc sức khỏe trong và sau điều trị tại các cơ sở y tế; triển khai nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa. Ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám, chữa bệnh, tiến đến mỗi người dân đều có hồ sơ sức khỏe điện tử.

- Xây dựng và triển khai Đề án Phát triển y tế thông minh đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành, giảng dạy, tuyển sinh dựa trên công nghệ số, dữ liệu số; số hóa tài liệu, giáo trình; triển khai đồng bộ các nền tảng số dùng chung của toàn ngành giáo dục.

- Số hóa dữ liệu các khu di tích lịch sử, văn hóa, du lịch bằng công nghệ 3D, 4D, tích hợp thuyết minh tự động để quản lý, giới thiệu trên nền tảng số, đẩy mạnh quảng bá hình ảnh tỉnh bằng nhiều hình thức khác nhau để thu hút khách du lịch.

- Tiếp tục triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” rộng khắp trên địa bàn tỉnh; cung cấp các khóa học trực tuyến mở để Nhân dân có thể dễ dàng tiếp cận; hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp để đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, an toàn thông tin cho người dân và doanh nghiệp; hỗ trợ người dân sử dụng chữ ký số cá nhân.

- Phát huy vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng ở địa phương trong việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến, các nền tảng số

phổ biến, thanh toán không dùng tiền mặt, tương tác trên các sàn thương mại điện tử để từng bước hình thành văn hóa số.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

- Kịp thời triển khai, truyền thông, phổ biến về các Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn và văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số đến các cơ quan nhà nước, tổ chức, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tuyên truyền về những định hướng, mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp về chuyển đổi số gắn với công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng¹.

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 03/4/2025 về Triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Đảm bảo phát sóng tần suất: 01 số/chuyên mục/tuần trên chuyên mục Chuyển đổi số và truyền thông về Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh trên các kênh phát thanh và truyền hình của Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi.

- Duy trì chuyên mục/chương trình phát thanh về Chuyển đổi số và truyền thông về Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh trên hệ thống truyền thanh cấp xã.

- Duy trì hoạt động hiệu quả chuyên trang điện tử Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi; cập nhật tin, bài, hình ảnh, video clip và đặt banner trên tất cả trang thông tin điện tử thành phần các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh.

- Tổ chức các Cuộc thi, Hội thi, Tọa đàm về Chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính trên địa bàn cấp xã; các Cuộc thi tìm hiểu, các chiến dịch truyền thông về Chuyển đổi số trong đoàn viên, thanh niên, phụ nữ, công nhân, nông dân trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh truyền thông, phổ biến và tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng về đảm bảo an toàn thông tin cá nhân trên môi trường mạng cho người dân trên địa bàn tỉnh.

¹ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động của chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Chỉ thị số 29-CT/TU ngày 24/4/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi; Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 20/02/2024 của UBND tỉnh; Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh,...

- Tuyên truyền việc phát triển ngành công nghiệp ICT và các doanh nghiệp công nghệ số: Xây dựng cơ chế ưu đãi cho các doanh nghiệp và các khu công nghiệp; đẩy mạnh ứng dụng nền tảng số trong sản xuất công nghiệp; xây dựng, triển khai hệ thống quản lý thông minh trong các KCN, KKT.

- Truyền thông về các mô hình, điển hình trong hoạt động hiệu quả của Tổ công nghệ số cộng đồng các cấp; Phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng các cấp để tuyên truyền, hướng dẫn người dân nâng cao nhận thức và kỹ năng số, giúp người dân tiếp cận với các dịch vụ số, nền tảng số.

10. Hợp tác quốc tế và trong nước

- Xây dựng và triển khai chương trình hợp tác quốc tế; Hợp tác với các địa phương trong nước; hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ số hàng đầu trong nước và quốc tế về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số nhằm học hỏi kinh nghiệm, chia sẻ dữ liệu mở, phát triển trí tuệ nhân tạo, bảo đảm an ninh mạng và thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức các chương trình học hỏi kinh nghiệm, mô hình chuyển đổi số hiệu quả của các tỉnh, thành phố để nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và huy động từ các nguồn tài trợ, đầu tư hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ hằng năm (*trước ngày 15/12*) báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình, kết quả triển khai thực hiện.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tôn vinh, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc; mô hình chuyển đổi số tiêu biểu góp phần mang lại hiệu quả trong công cuộc chuyển đổi số cũng như đóng góp phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính: Trên cơ sở nhu cầu của các cơ quan, đơn vị và khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành.

3. Các sở, ban, ngành, địa phương có trách nhiệm

- Xây dựng, ban hành Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030 của đơn vị, địa phương đảm bảo triển khai hiệu quả các nhiệm vụ chuyển đổi số của đơn vị và phù hợp với tình hình của đơn vị, địa phương.

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định pháp luật hiện hành.

- Theo chức năng nhiệm vụ triển khai có hiệu quả các nền tảng số, cơ sở dữ liệu dùng chung do các bộ, ngành Trung ương triển khai đến cấp tỉnh; triển khai, thúc đẩy phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số thuộc lĩnh vực quản lý của ngành, địa phương để thúc đẩy phát triển chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ thủ tục hành chính để đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hướng tới toàn trình.

- Triển khai rà soát, số hóa quy trình nội bộ; hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các ngành, lĩnh vực liên quan tới người dân; rà soát, đơn giản hóa các chế độ báo cáo, cắt giảm các chế độ báo cáo đã được thay thế bằng dữ liệu. Triển khai các chính sách, quy định của Chính phủ, bộ, ngành Trung ương và của tỉnh về khuyến khích người dân và doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ Chính phủ số, Chính quyền số.

- Triển khai truyền thông và tổ chức thực hiện tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung quốc gia và Khung kiến trúc số tỉnh Quảng Ngãi, để bảo đảm mọi dự án về dữ liệu phải tuân thủ kiến trúc này để bảo đảm tính đồng bộ và khả năng liên thông.

- Tăng cường công tác truyền thông, phổ biến về các Luật, Nghị định, Thông tư, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của bộ, ngành, địa phương về chuyển đổi số đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, doanh nghiệp, người dân thuộc phạm vi quản lý của ngành, địa phương.

- Chủ động hợp tác trong phát triển Chuyển đổi số; tích cực tham gia các sáng kiến về Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo; đẩy mạnh chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và công nghệ với các ngành, địa phương nhằm nâng cao năng lực phòng ngừa, phát hiện và ứng phó với các mối đe dọa an ninh mạng.

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch này để xây dựng dự toán, đề xuất và bố trí kinh phí cụ thể để triển khai thực hiện theo quy định; huy động các nguồn vốn hợp pháp khác; tăng cường thuê dịch vụ công nghệ thông tin, đầu tư theo phương thức đối tác công tư để phát triển Chuyển đổi số; đẩy mạnh huy động các nguồn lực tài chính từ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp tham gia thực hiện Kế hoạch theo quy định pháp luật; lồng ghép các nhiệm vụ của Kế hoạch với các chương trình mục tiêu quốc gia khác có liên quan.

- Định kỳ hằng năm (*trước ngày 30/11*) báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch này về Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Đề nghị Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi: Phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu thực hiện truyền thông chính sách, phổ biến thông tin về Chuyển đổi số, các nền tảng số, chính sách dữ liệu, AI... đến người dân, doanh nghiệp.

5. Các doanh nghiệp Công nghệ số, doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn tỉnh: Căn cứ vào nội dung, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch, chủ động xây dựng các nội dung triển khai, phối hợp, đồng hành với các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (báo cáo);
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Công an tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP, NC, CBTH;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.TPC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Phước Hiền

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan chủ trì triển khai, theo dõi và đánh giá	Cơ quan thực hiện
A	Giai đoạn 2026-2027			
I	Phát triển Chính quyền, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động			
I.1	Cung cấp dịch vụ số bao trùm, thông minh			
1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
2	Tỷ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
3	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	95%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
4	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
I.2	Cơ quan nhà nước quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu			
1	Tỷ lệ các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ Chính phủ số Trung ương đến địa phương được	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan chủ trì triển khai, theo dõi và đánh giá	Cơ quan thực hiện
	triển khai theo đúng kế hoạch trên địa bàn tỉnh.			
2	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại tỉnh, cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc.	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành;
3	Tỷ lệ chế độ báo cáo của các cơ quan được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo.	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
4	Tỷ lệ nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho các sở, ban, ngành, địa phương được theo dõi, giám sát, đánh giá trên môi trường điện tử.	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
5	Tỉnh Quảng Ngãi đạt cấp độ 3 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.	Đạt	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
6	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản.	100%	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
7	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.	50%	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
II	Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng hai con số của nền kinh tế			
1	Tỷ trọng kinh tế số GRDP	15%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; Thống kê tỉnh
2	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực	10%	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã,

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan chủ trì triển khai, theo dõi và đánh giá	Cơ quan thực hiện
				phường, đặc khu; Thống kê tỉnh
3	Năng suất lao động tăng hằng năm	5%	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; Thống kê tỉnh
4	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	50%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; Thống kê tỉnh
5	Phần đầu tỷ lệ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh sử dụng hợp đồng điện tử	20%	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
III	Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số			
1	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn tỉnh có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác	80%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Ngân hàng trên địa bàn tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu
2	Tỷ lệ dân số trưởng thành trên địa bàn tỉnh có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	50%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
3	Tỷ lệ người dân trên địa bàn tỉnh có Sổ sức khỏe điện tử.	85%	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường, đặc khu
4	Tỷ lệ người dân trên địa bàn tỉnh biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông	80%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan chủ trì triển khai, theo dõi và đánh giá	Cơ quan thực hiện
5	Tỷ lệ dân số được phủ sóng Mạng băng rộng di động 5G	85%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu
6	Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn tỉnh	60%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh
7	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.	80%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu
8	Tỷ lệ người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số	85%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
9	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet được phủ cập nền tảng truyền hình số quốc gia	60%	Sở Khoa học và Công nghệ; Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu
B	Giai đoạn 2028-2030			
I	Phát triển Chính quyền, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động			
I.1	Cung cấp dịch vụ số bao trùm, thông minh			

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan chủ trì triển khai, theo dõi và đánh giá	Cơ quan thực hiện
1	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	99%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
2	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
3	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “ cá thể hóa”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời.	50%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
4	Tỷ lệ dữ liệu mở công bố được ghi nhận có lượt truy cập, sử dụng lại hoặc tích hợp vào nền tảng bên ngoài, trong đó có ít nhất 30 sáng kiến đổi mới sáng tạo hoặc sản phẩm dịch vụ kinh tế sử dụng dữ liệu mở do cơ quan nhà nước công bố	70%	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
5	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
6	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa được tái sử dụng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
7	Tỷ lệ các ứng dụng, nền tảng được ban hành theo Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ phải được triển khai sử dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng	100%	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ; Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh
I.2	Cơ quan nhà nước quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu			

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan chủ trì triển khai, theo dõi và đánh giá	Cơ quan thực hiện
1	Tỉnh Quảng Ngãi đạt cấp độ 4 (và đầu đạt cấp độ 5) mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.	Đạt	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
2	Tỷ lệ hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.	100%	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
3	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc	100%	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ
4	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính.	100%	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ
5	Tỷ lệ nhiệm vụ của các cơ quan hành chính thực hiện được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường số	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
6	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số	100%	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh
7	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh Quảng Ngãi được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.	100%	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
8	Tỷ lệ các hệ thống thông tin các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ	100%	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan chủ trì triển khai, theo dõi và đánh giá	Cơ quan thực hiện
9	Tỷ lệ cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp	100%	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh
10	Phần đầu có dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số trên địa bàn tỉnh áp dụng mô hình hợp tác công tư (PPP)	01 dự án	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh
II	Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng hai con số của nền kinh tế			
1	Tỷ trọng kinh tế số GRDP	30%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; Thống kê tỉnh
2	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực	20%	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường, đặc khu; Thống kê tỉnh
3	Năng suất lao động tăng hằng năm	8%	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; Thống kê tỉnh
4	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	70%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; Thống kê tỉnh

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan chủ trì triển khai, theo dõi và đánh giá	Cơ quan thực hiện
5	Phần đầu tỷ lệ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh sử dụng hợp đồng điện tử	50%	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
III	Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số			
1	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn tỉnh có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác	95%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Nhân hàng trên địa bàn tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu
2	Tỷ lệ dân số trưởng thành trên địa bàn tỉnh có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	70%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
3	Tỷ lệ người dân trên địa bàn tỉnh có Sổ sức khỏe điện tử;	95%	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường, đặc khu
4	Tỷ lệ người dân trên địa bàn tỉnh biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông	95%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
5	Tỷ lệ dân số được phủ sóng Mạng băng rộng di động 5G	99%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu
6	Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn tỉnh	90%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan chủ trì triển khai, theo dõi và đánh giá	Cơ quan thực hiện
7	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.	95%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu
8	Tỷ lệ người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
9	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet được phổ cập nền tảng truyền hình số quốc gia	100%	Sở Khoa học và Công nghệ; Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
I	Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số				
1	Tăng cường công tác chỉ đạo của UBND tỉnh, Ban chỉ đạo của UBND tỉnh về Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 trong các hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ; Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Các văn bản chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh và Ban chỉ đạo; Báo cáo kết quả thực hiện định kỳ và đột xuất	Năm 2026 - 2030
2	Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị, địa phương trong công tác chỉ đạo, triển khai chuyển đổi tại đơn vị; Đảm bảo 100% người đứng đầu các đơn vị, địa phương là Trưởng ban chỉ đạo về Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 của đơn vị và trực tiếp tham gia chỉ đạo công tác chuyển đổi số tại đơn vị.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ; Công an tỉnh	Các văn bản chỉ đạo điều hành, văn bản triển khai các sở, ban, ngành; của UBND cấp xã; Báo cáo kết quả thực hiện định kỳ và đột xuất của đơn vị, địa phương	Năm 2026 - 2030
3	Triển khai Bộ chỉ số để theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ được giao về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ; Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Bộ chỉ số để theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ được giao về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng	Năm 2028 - 2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
				tạo, chuyển đổi số và Đề án 06	
4	Thực hiện đo lường, giám sát các hệ thống, dịch vụ phục vụ Chính phủ số, Chính quyền số; công khai trực tuyến các chỉ số chính trong phát triển Chính phủ số, Chính quyền số.	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả thực hiện đo lường, giám sát định kỳ và đột xuất	Năm 2026 - 2030
5	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị, địa phương trực tuyến trên môi trường mạng.	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát	Năm 2026 - 2030
6	Hàng năm tổ chức Đoàn công tác kiểm tra trực tiếp các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh về công tác Chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả kiểm tra định kỳ, đột xuất	Năm 2026 - 2030
II	Thế chế, chính sách số				
1	Xây dựng và ban hành các chính sách, kế hoạch, quyết định, văn bản chỉ đạo và điều hành của UBND tỉnh để thúc đẩy phát triển chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Khoa học và Công nghệ	Chỉ thị; Quyết định; Kế hoạch; văn bản triển khai	Năm 2026 - 2030
2	Triển khai áp dụng hướng dẫn kỹ thuật về mức độ ứng dụng AI trong dịch vụ công trực tuyến, làm rõ khái niệm, yêu cầu kỹ thuật và tiêu chí đánh giá mức độ cá thể hóa, chủ động, gợi ý hành động, ... Hướng dẫn lựa chọn, triển khai và tích hợp trợ lý ảo vào các nền tảng điều hành, tác nghiệp của tỉnh; Tiêu	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Văn bản triển khai, giải pháp truyền thông về Tiêu chuẩn, Quy chuẩn, Hướng dẫn kỹ thuật được ban hành	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	chuẩn quốc gia về Chất lượng trải nghiệm của người dùng dịch vụ công trực tuyến; Bộ chỉ số và Khung hướng dẫn đánh giá mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu				
3	Xây dựng, cập nhật Khung kiến trúc số tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với yêu cầu phát triển Chính phủ số và Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Quyết định ban hành Khung kiến trúc số tỉnh Quảng Ngãi	Năm 2026
4	Xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh trong chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Quyết định ban hành chính sách phù hợp yêu cầu và tình trên địa bàn tỉnh	Năm 2026-2027
5	Tham mưu Ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh về chế độ chính sách của Tổ công nghệ số cộng đồng để kịp thời động viên, khuyến khích các tổ công nghệ số cộng đồng hoạt động hiệu quả hơn	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Năm 2026
III	Phát triển hạ tầng số				
1	Xây dựng Kế hoạch Chương trình thúc đẩy, triển khai, chuyển đổi IPv6 only trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để triển khai chuyển đổi IPv6 toàn diện: Thực hiện hiệu quả “Chương trình thúc đẩy, triển khai, chuyển đổi IPv6 only cho Việt Nam giai đoạn 2026 – 2030”	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn tỉnh; Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh	Năm 2026-2030
2	Triển khai bảo mật Mạng truyền số liệu chuyên dùng của Đảng và Nhà nước theo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp Viễn thông trên địa	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	hướng mở rộng, thống nhất và dùng chung cho toàn hệ thống chính trị, phục vụ gửi nhận văn bản và xử lý hồ sơ Mật, Tối Mật. Các nền tảng và ứng dụng dùng chung của tỉnh được kết nối trên mạng này, bảo đảm liên thông và đồng bộ dữ liệu		bàn tỉnh; Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu		
3	Xây dựng Trung tâm dữ liệu tỉnh Quảng Ngãi đạt chuẩn tối thiểu Tier 3, đáp ứng tiêu chuẩn điện toán đám mây, hiệu năng cao để cung cấp tài nguyên tính toán, lưu trữ, sao lưu tập trung và bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu cao nhất cho các hệ thống thông tin của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Năm 2026-2028
4	Nâng cấp, quản lý, vận hành Nền tảng hợp trực tuyến tỉnh Quảng Ngãi thông suốt, an toàn, bảo mật; bảo đảm phục vụ các phiên họp từ trung ương đến địa phương, đáp ứng yêu cầu sử dụng thống nhất trong toàn hệ thống chính trị.	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Năm 2026-2030
5	Phủ sóng 5G tại 100% khu công nghiệp, khu đô thị, trung tâm hành chính, khu du lịch.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND các xã, phường, đặc khu; Các doanh nghiệp Viễn thông	Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2026-2030
6	Triển khai Kế hoạch ứng dụng Internet vạn vật (IoT) trong lĩnh vực giao thông thông minh cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
7	Thúc đẩy, hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số tại địa phương nhất là các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới bảo đảm đáp ứng nhu cầu sử dụng các dịch vụ số, dịch vụ hành chính công tại các trung tâm phục vụ hành chính công ở các xã biên giới góp phần rút ngắn khoảng cách số, nâng cao hiệu quả bảo đảm quốc phòng an ninh	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND các xã, phường, đặc khu; Các doanh nghiệp Viễn thông	Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2026-2030
8	Rà soát, thúc đẩy các doanh nghiệp viễn thông ưu tiên phát triển hạ tầng viễn thông (trạm BTS,...) kiên cố, bền vững, phù hợp tại các khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai trong đó có tính đến đặc điểm địa hình, loại hình thiên tai thường xuất hiện tại các khu vực.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND các xã, phường, đặc khu; Các doanh nghiệp Viễn thông	Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2026-2030
9	Xác định kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số của các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn từ đó triển khai các biện pháp hỗ trợ bao gồm: xây dựng, công bố kế hoạch đầu tư, cải tạo nâng cấp hệ thống hạ tầng đô thị của tỉnh để các đơn vị phối hợp triển khai đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật các ngành giao thông, năng lượng, chiếu sáng, cấp, thoát nước, hạ tầng công trình ngầm, hạ tầng kỹ thuật khác	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; Các doanh nghiệp Viễn thông	Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
IV	Phát triển nhân lực số				
1	Triển khai cung cấp học liệu để đào tạo, phổ cập kỹ năng số, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước cho các đối tượng trên Nền tảng Bình dân học vụ số	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
2	Bố trí nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số; triển khai thực chất, hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” và hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
3	Triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ kỹ thuật chuyên biệt và thường xuyên cho đội ngũ cán bộ cấp xã, tập trung vào kỹ năng vận hành các nền tảng dùng chung và kỹ năng hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số	Các sở, ban, ngành	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
4	Triển khai khung năng lực, chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin tích hợp kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Đưa nội dung đào tạo về kỹ năng số, AI vào chương trình đào tạo quản lý nhà nước	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo thực hiện	Tháng 12/2026
5	Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho cán bộ lãnh đạo; cán bộ, công chức, viên chức cơ quan nhà nước các cấp về Chính phủ số; Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, Khung kiến trúc số tỉnh Quảng Ngãi và bảo đảm an ninh mạng.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
6	Tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, AI cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số. Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng hàng năm về kỹ năng số, phương pháp sư phạm và ứng dụng AI trong giảng dạy cho đội ngũ giáo viên các cấp.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
V	Phát triển dữ liệu số				
1	Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai, xây dựng, khoa học công nghệ....	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ	Dữ liệu các lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai, xây dựng, khoa học công nghệ.... được tạo lập, số hóa	Năm 2026-2030
2	Thực hiện số hóa 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; hoàn thành xây dựng, nâng cấp, phát triển các cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm dữ liệu “Đúng - Đủ - Sạch - Sống - Thống nhất - Đồng bộ - Kết nối - Dùng chung”, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
3	Xây dựng, ban hành công bố danh mục dữ liệu mở tỉnh Quảng Ngãi, bao gồm danh mục dữ liệu mở ưu tiên, lộ trình công bố, phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các	Quyết định ban hành danh mục dữ liệu mở	Năm 2026

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	thức truy cập, trách nhiệm cập nhật và tiêu chí đánh giá mức độ sử dụng, tái sử dụng dữ liệu mở. Việc cung cấp dữ liệu mở được thực hiện theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật hiện hành.		xã, phường, đặc khu		
4	Xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách cụ thể để chủ động thực hiện việc chuẩn hóa, mở, chia sẻ và đưa dữ liệu đủ điều kiện lên Sàn dữ liệu, thúc đẩy hình thành và phát triển thị trường dữ liệu, gắn với cơ chế minh bạch về quyền sở hữu, quyền khai thác, thương mại hóa dữ liệu và phân phối giá trị từ dữ liệu.	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, sở Tài chính và các sở, ban, ngành có liên quan	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Văn bản được cấp có thẩm quyền ban hành	Năm 2026
VI	Bảo đảm an ninh mạng				
1	Triển khai tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong cơ quan nhà nước theo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân. Triển khai hướng dẫn về quy trình, biện pháp kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn đối với việc quản lý, lưu trữ, xử lý, chia sẻ và kiểm soát truy cập dữ liệu cá nhân trong các nền tảng và hệ thống thông tin.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Văn bản triển khai, giải pháp truyền thông về quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn được ban hành	Năm 2026
2	Triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê đối với hệ thống thông tin các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Công an tỉnh	Báo cáo triển khai	Năm 2026
3	Triển khai Khung đánh giá mức độ rủi ro hệ thống thông tin và nền tảng số dùng chung	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các	Văn bản triển khai, chỉ đạo về áp dụng,	Năm 2026

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	trên địa bàn tỉnh. Triển khai cơ chế kiểm tra, giám sát an ninh mạng đối với chuỗi cung ứng phần mềm, dịch vụ thuê ngoài (SaaS, Cloud...), đối tác phát triển hệ thống theo nguyên tắc đánh giá mã nguồn (source code audit), kiểm soát truy cập và bảo mật bên thứ ba.		xã, phường, đặc khu	thực hiện Khung đánh giá đã được cấp có thẩm quyền ban hành	
4	Tăng cường giám sát an toàn, an ninh mạng trên địa bàn tỉnh để phát hiện và cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn thông tin cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân. Nâng cấp, duy trì hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng tập trung (SOC) tỉnh Quảng Ngãi, các hệ thống nghiệp vụ của lực lượng An ninh mạng hướng đến xây dựng, hình thành Trung tâm An ninh mạng tỉnh Quảng Ngãi, trong đó bảo đảm kết nối liên thông với Trung tâm An ninh mạng quốc gia của Bộ Công an để phục vụ công tác giám sát diện rộng đối với các hệ thống thông tin trọng yếu của tỉnh.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
VII	Chính quyền số				
1	Tổ chức triển khai kịp thời và hiệu quả các nền tảng số phục vụ phát triển Chính phủ số do Chính phủ, các bộ, ngành trung ương triển khai đến đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh. Thực hiện kết nối toàn bộ các nền tảng số do trung ương triển khai, các hệ thống thông tin	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ và bảo đảm kế hoạch triển khai	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	giải quyết thủ tục hành chính với cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.			của các bộ, ngành trung ương	
2	Phát triển, hoàn thiện Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Quảng Ngãi để đáp ứng yêu cầu tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trong giai đoạn mới	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Năm 2026-2030
3	Rà soát, tính hiệu quả triển khai để xây dựng kế hoạch nâng cấp, hoàn thiện các nền tảng số, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; cơ sở dữ liệu dùng chung trên địa bàn tỉnh để nâng cao hiệu quả hoạt động; Tăng cường xây dựng, chuẩn hóa, cập nhật cơ sở dữ liệu của ngành, lĩnh vực, địa bàn phụ trách đảm bảo tính “Đúng - Đủ - Sạch - Sống - Thống nhất - Đồng bộ - Kết nối - Dùng chung”, phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của tỉnh dựa trên dữ liệu	Các sở, ban, ngành;	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Năm 2026-2030
4	Đưa vào hoạt động chính thức Trung tâm Điều hành thông minh (IOC) tỉnh Quảng Ngãi đảm bảo ứng dụng công nghệ AI, IoT, 5G, vệ tinh, UAV,... tiên tiến; tích hợp các cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành đảm bảo tính “Đúng - Đủ - Sạch - Sống - Thống nhất - Đồng bộ - Kết nối - Dùng chung”, ứng dụng AI trong phân tích, dự báo và cảnh báo sớm các chỉ tiêu kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh để phục vụ công tác chỉ đạo, điều	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ; đáp ứng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và phục vụ công tác quản lý nhà nước của các ngành, lĩnh	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	hành của UBND tỉnh và phục vụ công tác quản lý nhà nước của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số			vực trên môi trường số	
5	Đề án đầu tư đồng bộ trang thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị chuyên ngành tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Đảm bảo hạ tầng và trang thiết bị CNTT phục vụ hoạt động các cơ quan nhà nước	Năm 2026-2027
6	Xây dựng Nền tảng AI cấp tỉnh theo hướng tích hợp, sử dụng chung và mở rộng năng lực của Nền tảng phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo dùng chung (Nền tảng AI) và Nền tảng Trợ lý ảo quốc gia, bảo đảm kế thừa, dùng chung tài nguyên và tránh trùng lặp hạ tầng.	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu có liên quan	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Năm 2026-2030
7	Xây dựng, vận hành CSDL về kiểm soát tài sản thu nhập; nền tảng số công tác thanh tra; nền tảng số về khiếu nại tố cáo	Thanh tra tỉnh	Thanh tra Chính phủ; Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu có liên quan	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Năm 2026-2030
VIII	Kinh tế số và xã hội số				
1	Xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi số trong doanh nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh; Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Quyết định ban hành và triển khai chính sách	Năm 2026-2027

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
2	Hỗ trợ các cửa hàng, hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) chuyển đổi số thông qua sử dụng các nền tảng số phục vụ quản trị, sản xuất, kinh doanh, thông qua triển khai chương trình hỗ trợ cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số (rdx.gov.vn) và chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số (bdx.gov.vn)	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính	Báo cáo kết quả chuyển đổi số doanh nghiệp	Năm 2026-2030
3	Ứng dụng công nghệ, dữ liệu số trong sản xuất nông nghiệp thông minh, tạo ra sản phẩm có chất lượng cao. Tăng cường hoạt động kinh doanh sản phẩm nông nghiệp trên các sàn thương mại điện tử. Ứng dụng giải pháp công nghệ số trong quản lý, giám sát chất lượng sản phẩm nông nghiệp, thủy sản; truy xuất nguồn gốc; dự báo thị trường; quản lý quy hoạch; quản lý bảo vệ rừng; phòng, chống thiên tai; phòng, chống cháy rừng; phòng, chống dịch bệnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả tăng trưởng kinh tế số ngành nông nghiệp và môi trường	Năm 2026-2030
4	Thúc đẩy chuyển đổi số trong phát triển, khai thác hệ thống kho, bến, bãi phục vụ vận tải và logistics. Ứng dụng công nghệ số trong quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả tăng trưởng kinh tế số ngành xây dựng	Năm 2026-2030
5	Ứng dụng công nghệ số trong hỗ trợ khám, chữa bệnh, tư vấn chăm sóc sức khỏe trong và sau điều trị tại các cơ sở y tế; triển khai nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa. Ứng	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; UBND các	Báo cáo kết quả chuyển đổi số ngành y tế	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám, chữa bệnh, tiến đến mỗi người dân đều có hồ sơ sức khỏe điện tử		xã, phường, đặc khu		
6	Xây dựng và triển khai Đề án Phát triển y tế thông minh đến năm 2030 của ngành Y tế Quảng Ngãi	Sở Y tế	Công an tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu	Phê duyệt đề án; Báo cáo kết quả triển khai đề án	Năm 2026-2030
8	Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành, giảng dạy, tuyển sinh dựa trên công nghệ số, dữ liệu số; số hóa tài liệu, giáo trình; triển khai đồng bộ các nền tảng số dùng chung của toàn ngành giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả chuyển đổi số ngành giáo dục và đào tạo	Năm 2026-2030
9	Số hóa dữ liệu các khu di tích lịch sử, văn hóa, du lịch bằng công nghệ 3D, 4D, tích hợp thuyết minh tự động để quản lý, giới thiệu trên nền tảng số, đẩy mạnh quảng bá hình ảnh tỉnh bằng nhiều hình thức khác nhau để thu hút khách du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả chuyển đổi số ngành du lịch	Năm 2026-2030
10	Tiếp tục triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” rộng khắp trên địa bàn tỉnh; cung cấp các khóa học trực tuyến mở để Nhân dân có thể dễ dàng tiếp cận; hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp để đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, an toàn thông tin cho người dân và doanh nghiệp; hỗ trợ người dân sử dụng chữ ký số cá nhân	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”	Năm 2026-2027

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
11	Phát huy vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng ở địa phương trong việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến, các nền tảng số phổ biến, thanh toán không dùng tiền mặt, tương tác trên các sàn thương mại điện tử để từng bước hình thành văn hóa số	UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành	Báo cáo kết quả hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng các địa phương	Năm 2026-2030
IX	Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin				
1	Kịp thời triển khai, truyền thông, phổ biến về các Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn và văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số đến các cơ quan nhà nước, tổ chức, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Các Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn và văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số được truyền thông rộng rãi trên toàn tỉnh	Năm 2026-2030
2	Tuyên truyền về những định hướng, mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp về chuyển đổi số gắn với công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng của tỉnh tại các văn bản: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Chỉ thị số 29-CT/TU ngày 24/04/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi; Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 20/02/2024 của UBND tỉnh; Quyết định số 327/QĐ-	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn và văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số được truyền thông rộng rãi trên toàn tỉnh	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi...				
3	Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 03/4/2025 về Triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 03/4/2025 của UBND tỉnh	Năm 2026-2030
4	Đảm bảo phát sóng tần suất: 01 số/chuyên mục/tuần trên chuyên mục Chuyển đổi số và truyền thông về Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi; Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi trên các kênh phát thanh và truyền hình của Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi	Báo và Phát thanh và Truyền hình Quảng Ngãi	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả truyền thông CDS của Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi	Năm 2026-2030
5	Duy trì chuyên mục/chương trình phát thanh về Chuyển đổi số và truyền thông về Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi; Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi trên hệ thống truyền thanh cấp xã	UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành	Báo cáo kết quả truyền thông CDS của các địa phương	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
6	Duy trì hoạt động hiệu quả chuyên trang điện tử Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi; cập nhật tin, bài, hình ảnh, video clip và đặt banner trên tất cả trang thông tin điện tử thành phần các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo kết quả truyền thông CDS của các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Năm 2026-2030
7	Tổ chức các Cuộc thi, Hội thi, Tọa đàm về Chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính trên địa bàn cấp xã.	Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả các Cuộc thi, Hội thi, Tọa đàm	Năm 2026-2030
8	Đẩy mạnh truyền thông, phổ biến và tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng về đảm bảo an toàn thông tin cá nhân trên môi trường mạng cho người dân trên địa bàn tỉnh	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi; Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả về an toàn, an ninh thông tin mạng	Năm 2026-2030
09	Tuyên truyền việc phát triển ngành công nghiệp ICT và các doanh nghiệp công nghệ số: Xây dựng cơ chế ưu đãi cho các doanh nghiệp và các khu công nghiệp; đẩy mạnh ứng dụng nền tảng số trong sản xuất công nghiệp; xây dựng, triển khai hệ thống quản lý thông minh trong các KCN, KKT	Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh; Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả chuyển đổi số doanh nghiệp	Năm 2026-2030
10	Truyền thông về các mô hình, điển hình trong hoạt động hiệu quả của Tổ công nghệ số cộng đồng các cấp; Phát huy hiệu quả hoạt động	Sở Khoa học và Công nghệ;	Các sở, ban, ngành; Báo và	Báo cáo kết quả hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng các cấp	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	của Tổ công nghệ số cộng đồng các cấp để tuyên truyền, hướng dẫn người dân nâng cao nhận thức và kỹ năng số, giúp người dân tiếp cận với các dịch vụ số, nền tảng số	UBND các xã, phường, đặc khu	Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi		
X	Hợp tác quốc tế và trong nước				
1	Xây dựng và triển khai chương trình hợp tác quốc tế; Hợp tác với các địa phương trong nước; hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ số hàng đầu trong nước và quốc tế về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số nhằm học hỏi kinh nghiệm, chia sẻ dữ liệu mở, phát triển trí tuệ nhân tạo, bảo đảm an ninh mạng và thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện.	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
2	Xây dựng kế hoạch và tổ chức các chương trình học hỏi kinh nghiệm, mô hình chuyển đổi số hiệu quả của các tỉnh, thành phố để nhân rộng trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
XI	Bảo đảm kinh phí				
1	Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và huy động từ các nguồn tài trợ hợp pháp khác.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
2	Hàng năm bảo đảm bố trí ngân sách tỉnh cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	tạo, chuyển đổi số phù hợp với chỉ tiêu tại Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi		xã, phường, đặc khu		

Phụ lục III
DANH MỤC DỰ ÁN TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 02 năm 2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên nhiệm vụ/chương trình/dự án	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Phân kỳ thời gian triển khai				
			2026	2027	2028	2029	2030
I	Phát triển Chính quyền số						
I.1	Phát triển Hạ tầng số						
1	Xây dựng, cập nhật Khung kiến trúc số tỉnh Quảng Ngãi; kiến trúc ICT tỉnh Quảng Ngãi	Sở Khoa học và Công nghệ	x	x	x	x	x
2	Hạ tầng, thiết bị, ứng dụng CNTT, CDS các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh hàng năm	Các sở, ban ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	x	x	x	x	x
3	Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho người dùng các cơ quan, tổ chức đảng trong tỉnh Quảng Ngãi	Văn phòng Tỉnh ủy	x	x	x		
4	Phát triển hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác chuyển đổi số của các cơ quan, tổ chức đảng trong tỉnh Quảng Ngãi	Văn phòng Tỉnh ủy	x	x	x		
5	Lắp đặt nâng cấp, mở rộng Hệ thống camera giám sát bảo đảm ANTT trên toàn địa bàn tỉnh	Công an tỉnh	x	x	x	x	x

TT	Tên nhiệm vụ/chương trình/dự án	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Phân kỳ thời gian triển khai				
			2026	2027	2028	2029	2030
6	Xây dựng Trung tâm dữ liệu tỉnh Quảng Ngãi đạt chuẩn tối thiểu Tier 3 và Khu dịch vụ tập trung hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi	Sở Khoa học và Công nghệ	x	x	x		
7	Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung và Hệ sinh thái dữ liệu mở trên cơ sở các Kho dữ liệu hiện có, Cổng dữ liệu mở phục vụ chuyển đổi số tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	x	x	x		
8	Duy trì, vận hành Trung tâm dữ liệu tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	x	x	x	x	x
9	Duy trì, vận hành Trung tâm điều hành thông minh (IOC)	Sở Khoa học và Công nghệ	x	x	x	x	x
10	Triển khai thí điểm Bản sao số trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ		x			
11	Đầu tư, trang bị Hệ thống hội nghị truyền hình cho các xã phía tây tỉnh (dự kiến 30 xã)	Sở Khoa học và Công nghệ	x	x			
12	Đầu tư hạ tầng phục vụ hội nghị, họp trực tuyến	Sở Nông nghiệp và Môi trường	x	x			
13	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trên bản đồ số phục vụ lập phương án di dời dân vùng ngập lụt tỉnh Quảng Ngãi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	x	x	x	x	x
14	Triển khai các giải pháp khai thác, vận hành, phân phối, sử dụng nước hợp lý của các hồ chứa lớn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để đảm bảo an ninh nguồn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	x	x	x	x	x

TT	Tên nhiệm vụ/chương trình/dự án	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Phân kỳ thời gian triển khai				
			2026	2027	2028	2029	2030
	nước, phòng chống thiên tai phục vụ phát triển kinh tế - xã hội cho tỉnh Quảng Ngãi trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng						
15	Đầu tư hệ thống quản lý, giám sát hoạt động khai thác khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	x	x	x	x	x
16	Đầu tư thiết bị, cải tạo mạng LAN cho các trụ sở xã, phường, đặc khu mới sau sáp nhập	UBND xã, phường, đặc khu	x	x			
17	Lắp đặt Hệ thống Camera giám sát thông minh AI khu vực Cửa khẩu quốc tế Bờ Y	Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh	x	x	x		
18	Đầu tư hạ tầng IoT dùng chung cho toàn bộ các khu công nghiệp trên địa bàn	Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh		x	x	x	x
19	Dự án Chuyển đổi số cho hệ thống thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại tỉnh Quảng Ngãi	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	x	x	x		
20	Ứng dụng cảm biến IoT và công nghệ truyền dữ liệu để giám sát lưu lượng, chất lượng nước tại các trạm cấp nước nông thôn trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	x				
21	Ứng dụng các giải pháp công nghệ AI và IoT giám sát một số sinh vật gây hại, điều kiện môi trường và	Sở Nông nghiệp và Môi trường		x	x		

TT	Tên nhiệm vụ/chương trình/dự án	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Phân kỳ thời gian triển khai				
			2026	2027	2028	2029	2030
	các yếu tố quan trọng trong canh tác lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi						
22	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI hỗ trợ công tác nuôi trồng, phòng, chống dịch bệnh thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường –		x			
23	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI Thúc đẩy thư viện phát triển trong thời kỳ chuyển đổi số	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	x	x	x		
24	Nâng cấp nền tảng số hiện có (SXDCloud, Sổ tay điện tử, Kho lưu trữ nội bộ) phục vụ việc số hoá dữ liệu quản lý hoạt động xây dựng, quy hoạch và hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh	Sở Xây dựng	x	x	x	x	x
25	Mua sắm máy tính bổ sung cho phòng Tin học các cơ sở giáo dục tiểu học thực hiện CT GDPT 2018	Sở Giáo dục và Đào tạo	x	x	x	x	x
26	Xây dựng mô hình: “Ứng dụng AI” phục vụ công tác giáo dục và đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	x	x	x	x	x
I.2	Phát triển, hoàn thiện các nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung, chuyên ngành; đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số						
1	Xây dựng, phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành tỉnh Quảng Ngãi	Văn Phòng UBND tỉnh	x	x	x	x	x
2	Thuê dịch vụ CNTT; Xây dựng; nâng cấp; duy trì các nền tảng số, cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	x	x	x	x	x

TT	Tên nhiệm vụ/chương trình/dự án	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Phân kỳ thời gian triển khai				
			2026	2027	2028	2029	2030
3	Số hóa tài liệu; tạo lập cơ sở dữ liệu	Các sở, ban ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	x	x	x	x	x
4	Triển khai Hồ sơ bệnh án điện tử tại 04 bệnh viện trên địa bàn tỉnh Kon Tum (cũ)	Sở Y tế	x	x	x	x	x
5	Trang bị công nghệ trong công tác phòng cháy và chữa cháy rừng (Trạm quan trắc mặt đất giám sát rừng ForestWatch) trên địa bàn toàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	x	x	x	x	x
6	Thuê dịch vụ hệ thống thông tin đất đai tỉnh Quảng Ngãi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	x	x	x	x	x
7	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường đáp ứng trên 96 xã phường, đặc khu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	x	x	x	x	x
8	Thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu toàn diện về lưu vực sông lớn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để hỗ trợ Quản lý tổng hợp tài nguyên nước	Sở Nông nghiệp và Môi trường	x	x	x	x	x
9	Xây dựng ứng dụng thông minh để quản lý hành lang bảo vệ công trình thủy lợi thay thế cách quản lý hành lang bằng mốc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	x	x	x	x	x

TT	Tên nhiệm vụ/chương trình/dự án	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Phân kỳ thời gian triển khai				
			2026	2027	2028	2029	2030
10	Nâng cấp, mở rộng và tích hợp Hệ thống giám sát rừng thông minh (FMS)	Sở Nông nghiệp và Môi trường		x	x		
11	Số hóa tài liệu lưu trữ và đảm bảo trang thiết bị đầu cuối phục vụ công tác số hóa hồ sơ, tài liệu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	x	x	x	x	x
12	Xây dựng, vận hành CSDL về kiểm soát tài sản thu nhập; nền tảng số công tác thanh tra, nền tảng số về khiếu nại; tố cáo	Thanh tra tỉnh	x	x	x	x	x
13	Đầu tư hệ thống quản lý theo mô hình tòa soạn số	Báo và Phát thanh, Truyền hình	x	x	x		
14	Hoạt động chuyển đổi số của cơ quan UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh	UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh	x	x	x	x	x
15	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức kỹ năng số	Các Sở, ban, ngành, UBND các phường, xã, đặc khu	x	x	x	x	x
16	Bồi dưỡng đội ngũ chuyên trách CNTT, CDS	Sở Khoa học và Công nghệ	x	x	x	x	x
17	CSDL ngành khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	x	x	x		

TT	Tên nhiệm vụ/chương trình/dự án	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Phân kỳ thời gian triển khai				
			2026	2027	2028	2029	2030
18	Nâng cấp, duy trì Hệ thống phần mềm quản lý tài liệu lưu trữ điện tử tại CQNN các cấp và Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Quảng Ngãi	Sở Khoa học và Công nghệ	x	x	x	x	x
19	Thu thập, số hoá, xây dựng cơ sở dữ liệu hạ tầng kỹ thuật trọng điểm, trong đó tập trung cho khu vực đô thị	Sở Xây dựng	x	x	x	x	x
20	Thu thập, số hoá, xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn	Sở Xây dựng	x	x	x	x	x
21	Triển khai thí điểm Digital Twin quản lý đô thị thông minh theo thời gian thực trên nền tảng số	Sở Xây dựng	x	x	x	x	x
22	Số hóa tài liệu lưu trữ (cấp tỉnh, cấp huyện đã kết thúc hoạt động) tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh; Chuẩn hóa và chuyển đổi dữ liệu đã lưu trữ để phù hợp quy định	Sở Nội vụ	x	x	x	x	x
23	Số hóa tài liệu các lĩnh vực thuộc ngành nội vụ	Sở Nội vụ	x	x	x	x	x
24	Triển khai, duy trì, nâng cấp các nền tảng số, hệ thống CSDL phục vụ công tác giáo dục và đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	x	x	x	x	x
25	Số hóa các khu, điểm du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	x	x			

TT	Tên nhiệm vụ/chương trình/dự án	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Phân kỳ thời gian triển khai				
			2026	2027	2028	2029	2030
1	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh chuyển đổi số	Các Sở, ban, ngành, UBND các phường, xã, đặc khu	x	x	x	x	x
2	Triển khai bồi dưỡng, tập huấn về Bộ chỉ số DBI, giới thiệu Hệ thống thông tin hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số cho các doanh nghiệp	Các Sở, ban, ngành, UBND các phường, xã, đặc khu	x	x	x	x	x
3	Nâng cấp hệ thống quản lý văn bằng, chứng chỉ: Chính lý, số hóa văn bằng chứng chỉ THCS, THPT thuộc quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo; Xây dựng, nâng cấp hệ thống quản lý văn bằng, chứng chỉ.	Sở Giáo dục và Đào tạo	x	x			
4	Xây dựng và triển khai nền tảng “Quản lý khách hàng sử dụng nước trực tuyến” tích hợp thanh toán, tiếp nhận phản ánh và giám sát lưu lượng sử dụng nước	Sở Nông nghiệp và Môi trường –trường		x			
III	Phát triển Xã hội số						
1	Hỗ trợ Tổ công nghệ số cộng đồng ở phường, xã, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ, UBND phường, xã, đặc khu	x	x	x	x	x
2	Phổ cập kỹ năng số cho 70% dân số, triển khai chương trình “bình dân học vụ số”	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND các xã, phường, đặc khu	x	x	x	x	x

TT	Tên nhiệm vụ/chương trình/dự án	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Phân kỳ thời gian triển khai				
			2026	2027	2028	2029	2030
3	Truyền thông – thay đổi nhận thức, hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số, lan tỏa xã hội số	Sở Khoa học và Công nghệ	x	x	x	x	x
4	Xây dựng CSDL tiếng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ngãi (các dân tộc thiểu số tỉnh Kon Tum cũ), nhằm bảo tồn văn hóa, ngôn ngữ, chữ viết; hỗ trợ ngôn ngữ tiếng dân tộc thiểu số để học tập, phát triển kinh tế, đời sống xã hội.	Sở Khoa học và Công nghệ	x	x			
5	Xây dựng cơ sở dữ liệu phim 3D tái hiện lại vụ thảm sát Sơn Mỹ và trang bị hệ thống phòng trình chiếu phục vụ khách nội địa và Quốc tế	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	x	x	x		
6	Đề án Thư viện Thông minh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	x	x	x	x	x
7	Đề án Phát triển y tế thông minh đến năm 2030 của ngành Y tế Quảng Ngãi	Sở Y tế	x	x	x	x	x
8	Ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý các cảng cá nhằm hỗ trợ công tác IUU	Sở Nông nghiệp và Môi trường	x				
9	Triển khai Học bạ số các cấp; Tuyển sinh các lớp đầu cấp; Chatbot hỗ trợ công dân trong TTHC cấp phép hoạt động cơ sở giáo dục thường xuyên khác”	Sở Giáo dục và Đào tạo	x	x	x	x	x

TT	Tên nhiệm vụ/chương trình/dự án	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Phân kỳ thời gian triển khai				
			2026	2027	2028	2029	2030
10	Trang bị thiết bị cho thư viện số cơ sở GDMN, GDTH (phần mềm, thiết bị cơ bản cho các trường MNTH)	Sở Giáo dục và Đào tạo	x	x	x	x	x